

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 268/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 8 - 2018

V/v “Ly hôn giữa bà H và ông T”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B: Bà Đặng Thị Thanh T – Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 501/2018/QĐST – HNGĐ ngày 26/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1985.

HKTT: 17/3, tổ 15A1, KP. 2, phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ, thuộc KP. 5, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1987.

HKTT: 17/3, tổ 15A1, KP. 2, phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, còn ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Tôi và ông Lê Quang T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông T nghiện ma túy đã không quan tâm đến gia đình vợ con, dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù tôi đã nhiều lần hàn gắn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở lên trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên từ năm 2014 tôi cùng con gái đã chuyển ra ngoài thuê

phòng trọ để ở và sống ly thân với ông T cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2011. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị H; Về con chung: giao cháu Lê Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2011 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu; Về án phí: bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông T hiện cư trú tại địa bàn TP. B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và hoãn phiên tòa nhưng ông không đến tham dự phiên tòa, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bà H và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lê Quang T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Quá trình chung sống theo bà H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chỉ hạnh phúc được được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình vợ con, dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn

tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở lên trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên từ năm 2014 đến nay bà và ông T đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T theo bà H trình bày là có cơ sở bởi lẽ theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 13/6/2018 xác nhận, quá trình chung sống tại địa phương giữa ông T, bà H có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ để ông T đến Tòa làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng ông không đến Tòa làm việc, thể hiện ông bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng, không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Do vậy nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Lê Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2011. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của bà H là có cơ sở, bởi lẽ từ khi bà H và ông T sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay cháu Như do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Thiết nghĩ giao cháu N cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông T không lên Tòa làm việc nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Lê Quang T.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 006096 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà H đã nộp xong án phí HNGĐ-ST.

Bà H và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP.B
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

Nguyễn Thị Quyên